



# TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

## BẢN TIN THAN TUẦN 1 - THÁNG 7

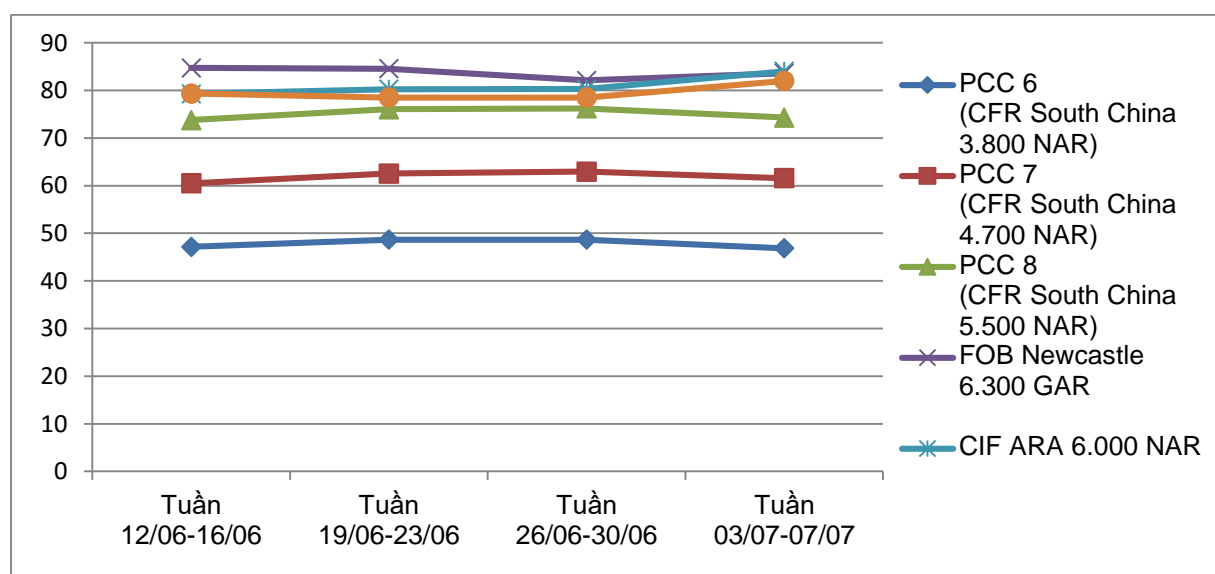
(Từ 03/07 – 07/07/2017)

### I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

#### 1. GIÁ THAN KHU VỰC

*Đơn vị tính: USD/tấn*

Chỉ số giá	Tuần	Tuần	Tuần	Tuần
	12/06-16/06	19/06-23/06	26/06-30/06	03/07-07/07
<b>PCC 6</b> (CFR South China 3,800 NAR)	47,14	48,65	48,68	46,84
<b>PCC 7</b> (CFR South China 4,700 NAR)	60,50	62,54	62,94	61,56
<b>PCC 8</b> (CFR South China 5,500 NAR)	73,76	76,05	76,22	74,30
<b>FOB Newcastle 6,300 GAR</b>	84,72	84,54	82,11	83,59
<b>CIF ARA 6,000 NAR</b>	79,28	80,26	80,27	84,00
<b>FOB Richards Bay 6,000 NAR</b>	79,35	78,49	N/A	81,98
<b>NEWC</b> (FOB Newcastle 6000 NAR)	80,30	82,46	N/A	81,64



**Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 1 tháng 7 (2017)**

*(Nguồn: Platts Coal Trader International)*

#### 2. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

	Cước vận tải tuần 1 tháng 7	03/07	04/07	05/07	06/07	07/07
<b>Tàu Capesize (150,000 tấn)</b>						
1	Úc – Trung Quốc	6,15	6,15	5,85	5,50	5,50
2	Queensland – Nhật Bản	6,95	6,95	6,65	6,30	6,30
3	New South Wales – Hàn Quốc	7,20	7,20	6,90	6,55	6,55
<b>Tàu Panamax (70,000 tấn)</b>						
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	10,60	10,50	10,25	10,35	10,45
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	7,60	7,45	7,20	7,20	7,20
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	10,85	10,75	10,50	10,60	10,70
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	6,50	6,40	6,15	6,15	6,15
5	Úc - Trung Quốc	9,20	9,25	9,25	9,35	9,45
6	Úc - Ấn Độ	10,15	10,40	10,40	10,50	10,65

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

## II. ĐIỂM TIN

### Giá cước vận chuyển đường biển châu Á duy trì ổn định

Giá cước vận chuyển đường biển châu Á tiếp tục giữ ổn định trong tuần trước, bất chấp các biện pháp hạn chế nhập khẩu than do Hải quan Trung Quốc thực hiện. Giá cước tàu Capesize tuyến đường từ Newcastle đến Nam Trung Quốc dao động quanh mức 7,25 USD/tấn không thay đổi nhiều so với tuần trước đó. Giá cước tàu Panamax cho tuyến đường tương tự là 9,50 USD/tấn, cũng không có biến động mạnh. Chỉ số giá Baltic Exchange (BE) cho tàu Capesize khứ hồi qua Thái Bình Dương, tuyến C10-14 (Trung Quốc – Nhật Bản), tăng 2% so với tuần cuối tháng 6, lên mức 7.335 USD/ngày từ mức 7.212 USD/ngày. Giá thuê tàu Panamax khứ hồi tuyến Nam Trung Quốc-Indonesia (P5) giảm xuống còn 7.694 USD/ngày từ 8.117 USD/ngày. Ngược lại, giá cước tàu Panamax cho tuyến Nam Kalimantan – Nam Trung Quốc đã giảm xuống còn 5,40 USD/tấn trong tuần trước, từ mức 5,60 USD/tấn trong khi đó cước tàu Supramax duy trì ở mức 6,4USD/tấn như tuần trước đó. Giá thuê tàu trung bình cho tuyến đường từ Nam Trung Quốc, đi qua Indonesia, đến bờ Đông Ấn Độ (S8-58) giảm nhẹ 1% xuống còn 8.150 USD/ngày so với mức 8.203 USD của ngày 28/6. Giá thuê tàu cho tuyến Nam Trung Quốc đến Indonesia và ngược lại, S10-58, cũng giảm 1% xuống còn 7.689 USD/ngày từ mức 7.750 USD của ngày 28/6.

### Xuất khẩu than của Mỹ tăng nhẹ trong tháng 5

Theo số liệu của US Censu đưa ra hôm thứ 4, Mỹ đã xuất khẩu 6,6 triệu tấn than trong tháng 5, tăng 0,1% so với tháng 4 và tăng 72,1% so với năm 2016. Trong 5 tháng đầu năm, Mỹ đã xuất khẩu 33,4 triệu tấn than, tăng 60,3 % so với cùng kì năm trước. Cụ thể xuất khẩu than cốc luyện kim trong tháng 5 đạt 4,14 triệu tấn, giảm 1% so với tháng 4 và tăng 39,3% so với năm trước. Tổng cộng trong 5 tháng đầu năm, xuất khẩu than cốc đạt 19,36 triệu tấn, tăng 27,1% so với cùng kì năm trước. Xuất khẩu than bitum trong tháng 5 đạt 1,82 triệu tấn, tăng 16,9% so với tháng 4 và 200% so với năm 2016. Tính đến hết tháng 5, xuất khẩu than bitum đã đạt 10,97 triệu tấn, tăng 146,4 % so với cùng kì năm 2016.

Thị trường	Xuất khẩu than bitum (tấn)		Thị trường	Xuất khẩu than á bitum (tấn)	
	Th 5/2017	Th 5/2016		Th5/2017	Th5/2016
Ấn Độ	403.956	93.140	Hàn Quốc	301.746	0
Hà Lan	300.947	214.776	Mexico	194.490	134.000
Hàn Quốc	190.654	N/A	Tây Ban Nha	77.000	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.820.000</b>	<b>910.000</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>573.416</b>	<b>133.975</b>

Tại các thị trường lớn là Ấn Độ, Hà Lan, Hàn Quốc, lượng than bitum của Mỹ xuất đi đều tăng mạnh so với tháng 5/2016 với Ấn Độ 403,956 tấn; Hà Lan 300,947 tấn; Hàn Quốc 190,654 tấn. Xuất khẩu than á bitum cũng đạt 573.416 tấn trong tháng 5, giảm 24,1% so với tháng 4 và tăng 328% so với tháng 5 năm trước. Trong 5 tháng đầu năm, xuất khẩu than á bitum của Mỹ đã đạt 2,84 triệu tấn, tăng 270% so với cùng kì năm 2016. Các nước nhập khẩu than á bitum Hoa Kỳ nhiều nhất trong tháng 5 là Hàn Quốc, Mexico, Tây Ban Nha. Trong đó Tây Ban Nha và Hàn Quốc là những nước không nhập khẩu chuyên than á bitum nào từ Mỹ cùng kì năm 2016 đã trở thành những khách hàng nhập khẩu lớn nhất của nước này trong tháng 5/2017.

#### **Dự báo giá than trong hợp đồng hàng năm của Nhật Bản giảm**

Theo báo cáo của Bộ Công nghiệp, Phát triển và Khoa học của Úc, giá than trong hợp đồng hàng năm của Nhật Bản (JFY) sẽ giảm trong 2 năm tới, khi nhu cầu của Ấn Độ và Trung Quốc giảm. Giá tham khảo trong hợp đồng JFY 2017 (bắt đầu từ tháng 4/2017 đến tháng 3/2018) ổn định ở mức 84 USD/tấn, tăng 33% so với năm 2016. Tuy nhiên, giá hợp đồng JFY cho than FOB Newcastle 6.300 kcal/kg GAR dự kiến sẽ giảm xuống còn 70 USD/tấn năm 2018 và 67 USD/tấn trong năm 2019. Dự báo nhập khẩu than nhiệt trong năm 2017 của Nhật Bản sẽ tăng 1,3% lên 140 triệu tấn, do nước này tăng cường tiêu thụ nhiệt điện và các NMNĐ tăng công suất thêm 0,5%. Nhật Bản, khách hàng mua than nhiệt lớn nhất của Úc, dự kiến sẽ nhập khẩu 141 triệu tấn than năm 2018 và 142 triệu tấn năm 2019. Tuy nhiên, sản lượng than của Úc ước tính sẽ ổn định ở mức 250 triệu tấn trong năm tài chính 2016-17, và tăng nhẹ lên 251 triệu tấn trong cả 2 năm 2017-18 và 2018-19. Sản lượng than xuất khẩu của Úc trong năm tài chính 2016-17 ước tính đã tăng 0,5% so với năm tài chính 2015-16 lên 202,4 triệu tấn, chủ yếu do nhu cầu lớn từ thị trường Trung Quốc. Đối với năm tài chính 2017-18, sản lượng xuất khẩu dự kiến sẽ giảm xuống còn 201 triệu tấn chủ yếu do nhu cầu từ Hàn Quốc giảm và sẽ tiếp tục giảm còn 199 triệu vào năm 2018-19. Trong khi đó, xuất khẩu từ nhà cung cấp lớn Indonesia sẽ ổn định ở mức 380 triệu tấn trong năm 2017, nhưng báo cáo dự đoán nếu các công ty khai thác quy mô nhỏ tăng sản lượng trong tương lai, giá than sẽ giảm dưới áp lực dư nguồn cung. Trong năm 2018, xuất khẩu than Indonesia dự kiến sẽ ở mức 375 triệu tấn, và tiếp tục giảm xuống còn 373 triệu tấn năm 2019, giá than nhiệt giảm có thể khiến các nhà sản xuất có chi phí cao phải đứng ngoài thị trường.

(Nguồn: Platts)